

PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 20/2011/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý hoạt động truyền hình trả tiền

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Báo chí ngày 28 tháng 12 năm 1989; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí ngày 12 tháng 6 năm 1999;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 04 tháng 12 năm 2009;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh Quảng cáo ngày 16 tháng 11 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 51/2002/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Báo chí; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý hoạt động truyền hình trả tiền.

Điều 2. Các đài phát thanh, truyền hình đã được cấp phép hoạt động truyền hình trả tiền trước ngày có hiệu lực của Quy chế này, trong thời hạn 01 (một) năm kể từ

ngày có hiệu lực của Quy chế này phải tổ chức lại mô hình hoạt động truyền hình trả tiền theo quy định của Quy chế này.

Điều 3. Các đơn vị hoạt động truyền hình trả tiền được tổ chức lại theo quy định tại Điều 2 Quyết định này và các doanh nghiệp có hạ tầng kỹ thuật cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền nhưng chưa có giấy phép thiết lập hạ tầng mạng viễn thông trước ngày có hiệu lực của Quy chế này nếu tiếp tục sở hữu hạ tầng kỹ thuật và cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền, phải làm thủ tục đề nghị cấp phép thiết lập hạ tầng mạng viễn thông và cấp phép cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ ngày có hiệu lực của Quy chế này.

Điều 4. Các đài phát thanh, truyền hình đã được cấp phép cung cấp, biên tập các kênh chương trình nước ngoài trên truyền hình trả tiền trước ngày có hiệu lực của Quy chế này, nếu tiếp tục cung cấp kênh chương trình truyền hình nước ngoài trên truyền hình trả tiền phải làm thủ tục đề nghị cấp phép biên tập các kênh chương trình nước ngoài theo quy định tại Quy chế này trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày có hiệu lực của Quy chế này.

Các đại lý ủy quyền cung cấp các kênh chương trình nước ngoài trên truyền hình trả tiền tại Việt Nam phải thực hiện việc đăng ký trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày có hiệu lực của Quy chế này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 5 năm 2011 và thay thế Quyết định số 79/2002/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý việc thu các chương trình truyền hình của nước ngoài.

Điều 6. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ trưởng Bộ Tài chính, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cơ quan chủ quản các đài phát thanh, đài truyền hình, đài phát thanh - truyền hình trên toàn quốc và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Thiện Nhân

QUY CHẾ**Quản lý hoạt động truyền hình trả tiền**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 20/2011/QĐ-TTg
ngày 24 tháng 3 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ)*

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định việc quản lý, cung cấp, sử dụng hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ truyền hình trả tiền và nội dung thông tin trên truyền hình trả tiền tại Việt Nam; quy định việc thu tín hiệu truyền hình trực tiếp từ vệ tinh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân tham gia việc quản lý, cung cấp, sử dụng hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ truyền hình trả tiền và nội dung thông tin trên truyền hình trả tiền tại Việt Nam; các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, lắp đặt thiết bị thu và sử dụng tín hiệu truyền hình trực tiếp từ vệ tinh tại Việt Nam.

2. Trong trường hợp các Điều ước quốc tế liên quan đến truyền hình trả tiền mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác với Quy chế này thì áp dụng quy định của Điều ước quốc tế.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Dịch vụ truyền hình trả tiền là dịch vụ ứng dụng viễn thông để truyền dẫn, phân phối các kênh chương trình, chương trình truyền hình trả tiền và các dịch vụ giá trị gia tăng trên hạ tầng kỹ thuật cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền đến thuê bao truyền hình trả tiền theo hợp đồng cung cấp dịch vụ hoặc các thỏa thuận có tính ràng buộc tương đương (gọi là Hợp đồng cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền).

Dịch vụ truyền hình trả tiền có thể được cung cấp trực tiếp (dịch vụ truyền hình trực tuyến) hoặc theo yêu cầu (dịch vụ truyền hình theo yêu cầu) đến thuê bao truyền hình trả tiền.

2. Dịch vụ truyền hình trực tuyến là dịch vụ truyền hình trả tiền cung cấp trực tiếp các kênh chương trình đến thuê bao truyền hình trả tiền không qua thiết bị lưu trữ, làm chậm của đơn vị cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền.

3. Dịch vụ truyền hình theo yêu cầu là dịch vụ truyền hình trả tiền thực hiện việc lưu trữ các chương trình, kênh chương trình truyền hình trả tiền và cung cấp đến thuê bao truyền hình trả tiền theo yêu cầu của thuê bao truyền hình trả tiền.

4. Kênh chương trình truyền hình trả tiền là kênh chương trình trong nước, kênh chương trình nước ngoài được cung cấp đến thuê bao truyền hình trả tiền. Kênh chương trình bao gồm các chương trình.

5. Kênh chương trình trong nước là kênh chương trình phát thanh, truyền hình do các đơn vị có giấy phép hoạt động báo chí trong lĩnh vực phát thanh, truyền hình (báo nói, báo hình) của Việt Nam sản xuất hoặc liên kết sản xuất theo quy định của pháp luật.

6. Kênh chương trình nước ngoài là kênh chương trình phát thanh, truyền hình do các hãng phát thanh, truyền hình nước ngoài sản xuất, có ngôn ngữ thể hiện bằng tiếng nước ngoài.

7. Dịch vụ giá trị gia tăng trên truyền hình trả tiền (gọi tắt là dịch vụ giá trị gia tăng) là các dịch vụ làm tăng thêm tiện ích về thông tin được gửi kèm theo hoặc xen kẽ các kênh chương trình truyền hình trả tiền và được hiển thị trên thiết bị nghe nhìn của thuê bao truyền hình trả tiền.

8. Hạ tầng kỹ thuật cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền (gọi tắt là Hạ tầng kỹ thuật truyền hình trả tiền) là hạ tầng mạng viễn thông có tính năng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền.

Hạ tầng kỹ thuật truyền hình trả tiền cung cấp tín hiệu cho thuê bao truyền hình trả tiền tại điểm kết cuối theo quy định của pháp luật về viễn thông.

9. Thuê bao truyền hình trả tiền (gọi tắt là Thuê bao) là tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ truyền hình trả tiền của đơn vị cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền.

10. Thiết bị đầu cuối thuê bao truyền hình trả tiền (gọi tắt là Thiết bị đầu cuối) là thiết bị mà thuê bao sử dụng để kết nối với điểm kết cuối của hạ tầng kỹ thuật truyền hình trả tiền để nhận tín hiệu của đơn vị cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền.

Điều 4. Chính sách quản lý truyền hình trả tiền

1. Khuyến khích phát triển truyền hình trả tiền theo công nghệ hiện đại nhằm hỗ trợ việc truyền tải các kênh chương trình phát thanh, truyền hình vừa phục vụ nhiệm vụ chính trị thông tin tuyên truyền của Đảng và Nhà nước, vừa đáp ứng nhu cầu thông tin giải trí ngày càng đa dạng của người dân.

2. Khuyến khích phát triển các chương trình, kênh chương trình trong nước nhằm góp phần nâng cao dân trí, đáp ứng nhu cầu văn hóa tinh thần lành mạnh của người dân, bảo vệ và phát huy truyền thống lịch sử, văn hóa tốt đẹp của dân tộc, góp phần hiệu quả xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

3. Quản lý chặt chẽ việc cung cấp nội dung các chương trình, kênh chương trình truyền hình trả tiền theo quy định của pháp luật về báo chí; quản lý hạ tầng kỹ thuật truyền hình trả tiền theo quy định của pháp luật về viễn thông; bảo đảm phát triển thị trường truyền hình trả tiền có cạnh tranh lành mạnh, vừa đáp ứng nhu cầu thông tin giải trí đa dạng của người dân, vừa phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam.

4. Khuyến khích thành lập Hiệp hội truyền hình trả tiền để góp phần thúc đẩy phát triển thị trường truyền hình trả tiền phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Chương II

THU TÍN HIỆU TRUYỀN HÌNH TRỰC TIẾP TỪ VỆ TINH

Điều 5. Thu tín hiệu truyền hình trực tiếp từ vệ tinh thuộc dịch vụ truyền hình trả tiền của Việt Nam

Thuê bao truyền hình trả tiền được lắp đặt thiết bị thu tín hiệu truyền hình trực tiếp từ vệ tinh để sử dụng dịch vụ truyền hình trả tiền do các đơn vị cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền của Việt Nam cung cấp.

Điều 6. Thu tín hiệu truyền hình trực tiếp từ vệ tinh không thuộc dịch vụ truyền hình trả tiền của Việt Nam

Thu tín hiệu truyền hình trực tiếp từ vệ tinh không thuộc dịch vụ truyền hình trả tiền là thu tín hiệu truyền hình nước ngoài, kênh truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh.

1. Các đối tượng sau đây được thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh để khai thác thông tin phục vụ công tác chuyên môn nghiệp vụ:

a) Các cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội ở Trung ương và cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

b) Các cơ quan báo chí;

c) Các cơ quan, tổ chức ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam;